

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST  
Ngày: 04-5-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Minh Thi
2. Bà Bùi Thị Thanh Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Thái Bình D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Thái Bình D trình bày:*

Nguyên vào ngày 11/08/2019 anh Lê Hoàng T có vay của anh số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), có ghi biên nhận mượn tiền cùng ngày.

Anh yêu cầu anh T trả cho anh tiền gốc và lãi như sau: Nợ gốc là 80.000.000 đồng; Lãi suất tạm tính từ ngày 11/08/2019 đến ngày 11/12/2021 là 28 tháng, được tính như sau: 80.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 28 tháng = 35.840.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi: 80.000.000 đồng + 35.840.000 đồng = 115.840.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Đã nhiều lần anh yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T không trả.

Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Hoàng T có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền là 115.840.000 đồng. Trong đó, tiền gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 35.840.000 đồng (tạm tính từ ngày 11/08/2019 đến ngày 11/12/2021).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự họp lệ đối với bị đơn anh Lê Hoàng T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T vắng mặt nhiều lần không có lý do.

Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Thái Bình D cho rằng: Vào ngày 11/8/2019 bị đơn anh Lê Hoàng T có vay của anh số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), anh T có ký tên vào Biên nhận mượn tiền ngày 11/8/2019, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất cho vay tiền là 3%/tháng nên không có làm giấy tờ gì, nhưng từ lúc vay đến nay anh T không đóng lãi và không trả nợ gốc cho anh nên anh khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Hoàng T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 21/08/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là 21.535.733 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

*Xét giao dịch dân sự:*

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Thái Bình D có cho bị đơn anh Lê Hoàng T vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) vào ngày 11/8/2019, anh T có ký tên vào Biên nhận mượn tiền cùng ngày nên anh yêu cầu anh T trả tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Biên nhận mượn tiền ngày 11/8/2019 là văn bản do nguyên đơn viết, trong đó ghi nhận việc anh T có đến mượn tiền của anh D là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), anh T xin hứa trả lại số tiền này vào ngày 20/8/2019, các bên không có thỏa thuận lãi suất vay tiền, anh T có ký nhận vào Biên nhận mượn tiền nhưng đến hạn anh T không trả nên anh D khởi kiện.

Biên nhận mượn tiền đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau về việc thỏa thuận cho vay tài sản, về nội dung và hình thức thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Do anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên anh D khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc và lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Tại các Biên bản hòa giải về việc tranh chấp về tiền ngày 30/10/2021 và Biên bản hòa giải về việc tranh chấp việc cho mượn tiền 29/11/2021 thể hiện anh D cho anh T mượn tiền, đến hạn không trả nên yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Theo Bảng đề nghị ngày 15/12/2021, Tổ hòa giải khu vực T ghi nhận việc Tổ hòa giải đã mời anh T để hòa giải lần hai nhưng anh T cố tình không đến, Tổ hòa giải không giải quyết được nên chuyển đến Tòa án xem xét giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chính quyền địa phương cũng xác định anh T có đăng ký thường trú, làm ăn sinh sống tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt. Vì vậy, các tài liệu nêu trên đáp ứng yêu cầu của một chứng cứ theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Về nợ gốc: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền cho vay là 80.000.000 đồng căn cứ vào Biên nhận mượn tiền ngày 11/8/2019, theo Biên nhận mượn tiền bị đơn hẹn đến ngày 20/8/2019 trả lại cho nguyên đơn, nhưng khi đến hạn trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn không thực hiện. Như vậy, anh T còn nợ anh D số tiền 80.000.000 đồng nên anh D yêu cầu anh T trả số tiền này, đồng thời yêu cầu anh T trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật.

Về lãi suất: Căn cứ vào Biên nhận mượn tiền thể hiện hai bên thỏa thuận ngày trả nợ là ngày 20/8/2019, không có thỏa thuận vay có lãi suất nên thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 21/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính từ ngày vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận là ngày 21/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/5/2022 là 32 tháng 13 ngày x 80.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 21.535.733 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng).

Do đó, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 101.535.733 đồng (Một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng).

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 463; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thái Bình D đối với bị đơn anh Lê Hoàng T.

Buộc anh Lê Hoàng T trả cho anh Thái Bình D tổng số tiền 101.535.733 đồng (Một trăm lẻ một triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 21.535.733 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 5.076.787 đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền 2.896.000 đồng (Hai triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003142 ngày 07/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Lê Thị Thúy Hằng**